

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NC
V/v điều chỉnh Kế hoạch số 318/KH-
UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh.

Thực hiện Kế hoạch số 318/KH-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh về phân loại, chỉnh lý, thu thập tài liệu tồn đọng, tích đống trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2719/TTr-SNV ngày 03/11/2021 về việc điều chỉnh Kế hoạch số 318/KH-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh phân loại, chỉnh lý, thu thập tài liệu tồn đọng, tích đống trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025;

Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Điều chỉnh nội dung điểm 1.1 tiểu mục 1 Mục III Kế hoạch số 318/KH-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh để phù hợp với thực tế tài liệu tồn đọng tại các cơ quan, đơn vị như sau:

Số liệu tài liệu cần phân loại, chỉnh lý tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là: **2.728,4 mét giá;** cụ thể:

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số mét giá tài liệu theo Kế hoạch số 318/KH-UBND tỉnh (mét giá)	Số mét giá tài liệu sau khi điều chỉnh (mét giá)	Tăng so với Kế hoạch số 318/KH-UBND tỉnh (mét giá)
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	220	220	
2	Văn phòng UBND tỉnh	250	92	
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	300	286	
	<i>Văn phòng Sở</i>	300	118	
	<i>Chi cục Kiểm lâm</i>		87	
	<i>Chi cục Thủy lợi</i>		39,5	

	<i>Chi cục Thú y</i>		41,5	
4	Sở Xây dựng	100	282,2	
	<i>Văn phòng Sở</i>	100	106,2	
	<i>Chi cục Giám định xây dựng</i>		170	
	<i>Thanh tra xây dựng</i>		6	
5	Ban Quản lý Khu kinh tế	215	178	
6	Sở Nội vụ	80	154,5	
	<i>Văn phòng Sở</i>	80	80	
	<i>Ban Tôn giáo</i>		24	
	<i>Ban Thi đua - Khen thưởng</i>		50,5	
7	Sở Khoa học và Công nghệ	80	52	
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	50	98	
	<i>Văn phòng Sở</i>	50	83,5	
	<i>Chi cục Bảo vệ môi trường</i>		14,5	
9	Sở Tài chính	60	256,9	
10	Sở Tư pháp	50	28	
11	Thanh tra tỉnh	40	32,6	
12	Sở Y tế	35	512	
	<i>Văn phòng Sở</i>	35	491	
	<i>Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình</i>		15	
	<i>Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm</i>		6	
13	Sở Lao động và Thương binh xã hội	30	129,2	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	10	16,2	
15	Ban Dân tộc	15	10,8	
16	Sở Công thương	10	16	
17	Sở Thông tin và Truyền thông	15	24,6	
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	10	19,5	
19	Sở Ngoại vụ	10	47,4	
20	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội		42,7	

	và HĐND tỉnh			
21	Sở Giao thông vận tải		106,5	
	<i>Văn phòng Sở</i>		88	
	<i>Thanh tra giao thông vận tải</i>		18,5	
22	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh		10	
23	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch		2	
24	Vườn quốc gia Bù Gia Mập		3	
25	Trường Cao đẳng Bình Phước		66	
*	Các tổ chức hội (khối nhà nước)		42,3	
	TỔNG CỘNG	1.580	2.728,4	1.148,4

2. Giao Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tiếp tục tổ chức thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ, tài liệu theo kế hoạch sau khi điều chỉnh; phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí đáp ứng yêu cầu chỉnh lý tài liệu tồn đọng tại các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, đồng thời, chủ động điều tiết số mét giá tài liệu và kinh phí chỉnh lý biến động tăng, giảm hàng năm giữa các cơ quan, đơn vị.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Nội vụ kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Cục VT<NN;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Nội vụ (Chi cục VT<);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP. P.NC;
- Lưu: VT, (N49).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH